

CÔNG TY TNHH KAWAII VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KAWAII VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KAWAII VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: KAWAII VIETNAM CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108336037

3. Ngày thành lập: 22/06/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

OV11.05, khu đô thị Xuân Phương - Viglacera, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0909082535

Fax:

Email: nguyen@kawaii.vn

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
2.	Hoạt động chiếu phim	5914
3.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
4.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
5.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
6.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
7.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh.	4773
8.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
9.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
10.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
11.	Hoạt động hậu kỳ	5912

12.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu – Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; – Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; – Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí.	6329
13.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
15.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; - Bán buôn thủy sản; - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.	4632
16.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn đồ kim chỉ: kim, chỉ khâu...; - Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức;	4649
17.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
18.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
19.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
20.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại.	4719
21.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động bán đấu giá tài sản).	4791
22.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
23.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552

24.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
25.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
26.	Xuất bản phần mềm	5820
27.	Cổng thông tin (không bao gồm hoạt động báo chí).	6312
28.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
29.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ; - Sản xuất thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.	1079
30.	Quảng cáo	7310
31.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
32.	Bán buôn gạo	4631
33.	Bán buôn đồ uống	4633(Chính)
34.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
35.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim.	4663
36.	Bán buôn tổng hợp	4690
37.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
38.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
39.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
40.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...).	9610
41.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
42.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

43.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể; - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống;	5629
44.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
45.	Đại lý du lịch	7911
46.	Điều hành tua du lịch	7912
47.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
48.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
49.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: - Photo, chuẩn bị tài liệu; - Dịch vụ hỗ trợ thư ký; - Bản ghi tài liệu và dịch vụ thư ký khác; - Dịch vụ gửi thư.	8219
50.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ BÌNH NGUYỄN	Thôn Thống Nhất, Xã Lăng Công, Huyện Sông Lô, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	3.500.000.000	70,000	052187000282	
2	NGUYỄN THỊ BÌNH DIỆU	Thôn Thanh Huy, Xã Phước An, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	1.500.000.000	30,000	215283061	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ BÌNH NGUYỄN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 10/09/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 052187000282

Ngày cấp: 29/05/2018

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Thống Nhất, Xã Lãng Công, Huyện Sông Lô, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P3005, tòa nhà Golden An Khánh, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội